TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2023/DS-PT
Ngày 12-9-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc;

Bà Nguyễn Ngọc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 327/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tạ Minh C, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ B, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Tạ Văn M, sinh năm 1957; địa chỉ: tổ B, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Tạ Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: số A, tổ C, khu phố A, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Bà Tạ Thị Thu H, sinh năm 1961; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà Tạ Thị Thu H: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 2000; địa chỉ: số H, G, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố

Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: đường số C, tổ B, khu phố A, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2022), có mặt.

4. Bà Tạ Thu L, sinh năm 1966; địa chỉ: tổ A, đường B, ấp T, xã B, T (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Tạ Thu L: Ông Thái Thanh H1, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ B, khu phố A, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương và ông Bùi Tấn Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2022) ông H1 vắng mặt, ông Đ có mặt.

5. Bà Tạ Thu T, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ B, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Tạ Thu T:

5.1. Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 2000; địa chỉ: số H, G, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: đường số C, tổ B, khu phố A, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2022), có mặt.

5.2. Ông Thái Thanh H1, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ B, khu phố A, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương và ông Bùi Tấn Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2022), ông H1 vắng mặt, ông Đ có mặt.

6. Bà Tạ Thu H2, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ G, ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Tạ Thu C1, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã B, T (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Tạ Thu N1, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ A, ấp Đ, xã B, T (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Tạ Thu C1 và bà Tạ Thu N1: Ông Tạ Minh C, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ B, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/10/2022), có mặt.

3. Bà Tạ Thị Tuyết N2, sinh năm 1992 và ông Dương Văn M1, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: tổ B, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1971, vắng mặt;

5. Ông Tạ Kim L1, sinh năm 1986, vắng mặt;

6. Ông Tạ Minh T2, sinh năm 2000, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: tổ B, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

7. Ông Bùi Tiến S, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: đường Đ, tổ B, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1957; địa chỉ: khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số F, tổ A, khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

9. Ông Tạ Quang P, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ E, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

10. Bà Tạ Thị C2, sinh năm 1962; địa chỉ: tổ B, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

11. Ông Tạ Văn T4, sinh năm 1965; địa chỉ: tổ B, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

13. Ông Tạ Văn P1, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ E, khu phố D, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

14. Ông Tạ Minh P2, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ A, đường B, ấp T, xã B, T (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

15. Ủy ban nhân dân phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh L2 – chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Quang P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Tạ Minh C trình bày:*

Cha mẹ của ông Tạ Minh C là cụ Tạ Văn D1, sinh năm 1937, chết năm 2012 và cụ Mai Tuyết T5, sinh năm 1937, chết năm 1983. Cụ D1 và cụ T5 có tất cả 09 người con gồm: bà Tạ Thị D, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị Thu H, ông Tạ Minh C, bà Tạ Thu L, bà Tạ Thu C1, bà Tạ Thu T, bà Tạ Thu H2 và bà Tạ Thu N1. Cụ D1 và cụ T5 không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Di sản do cụ D1 chết để lại gồm: quyền sử dụng đất có diện tích 286m^2 thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01761 QSDĐ/TU ngày 30/11/2004 và diện tích đất 2.863m^2 thuộc các thửa đất số 330, 331, 332, 333, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02808 ngày 27/9/2007.

Trước khi chết, cụ Tạ Văn D1 lập Di chúc đề ngày 10/12/2012 với nội

dung để thừa kế diện tích đất 2.863m^2 thuộc các thửa đất số 330, 331, 332, 333, tờ bản đồ số 41 cho 05 người con gái gồm bà Tạ Thị D, bà Tạ Thị Thu H, bà Tạ Thu C1, bà Tạ Thu H2, bà Tạ Thu N1 và và 01 người cháu (con của bà Tạ Thu L) là ông Tạ Minh P2; diện tích đất 286m^2 thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 để thừa kế cho ông Tạ Minh C. Ông C quản lý, sử dụng thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 từ trước năm 2000, ông C xây dựng nhà xe, chuồng gà, ao cá và hàng rào. Hiện nay, bà Tạ Thị Tuyết N2 (con ông Tạ Văn M) và chồng tên Dương Văn M1 đang sinh sống trên một phần đất của thửa đất số 143 (vị trí tại nhà xe). Trước khi về sinh sống trên thửa đất số 143, ông M và bà N2 có xin phép ông C để cho vợ chồng bà N2 được sinh sống trên phần đất này.

Ngoài ra, trong di chúc cụ D1 còn định đoạt đối với diện tích đất 428m^2 thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01762 QSDĐ/TU ngày 30/11/2004. Khi còn sống cụ D1 đã tặng cho ông Tạ Văn M, bà Tạ Thu T và ông Tạ Minh C. Ông M, bà T, bà D và ông C đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được tặng cho. Tuy nhiên, cụ D1 không muốn sau này các con tranh chấp liên quan đến thửa đất này nên cụ tiếp tục định đoạt phần đất này cho 03 người con gồm ông Tạ Văn M, ông Tạ Minh C và bà Tạ Thu T và trong di chúc cũng thể hiện rõ nội dung ông M, ông C và bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi cụ D1 chết, các đồng thừa kế của cụ D1 thống nhất thực hiện theo di chúc đối với các thửa đất số 330, 331, 332, 333; còn thửa đất số 143 các đồng thừa kế của cụ D1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, ông C không đồng ý vì phần đất này cụ D1 đã định đoạt cho ông C. Do vậy, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: công nhận Di chúc lập ngày 10/12/2012 của cụ Tạ Văn D1 để thừa kế cho ông C được hưởng đối với diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 342m^2 thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 là có hiệu lực pháp luật và yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo di chúc cho ông C được hưởng toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tạ Thị Thu H về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc lập ngày 10/12/2012 của cụ Tạ Văn D1 vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 342m^2 thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 thì ông C không đồng ý.

Đối với yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc lập ngày 30/5/2011 của cụ Tạ Văn D1 đã được Ủy ban nhân dân phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên chứng thực số 23/2011, quyển số 01 TP/CC-SCT/CK là hợp pháp và phân chia di sản thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất 2.647m^2 thuộc các thửa đất số 330, 331, 332, 333, tờ bản đồ số 41 thì ông C đồng ý.

Đối với thửa đất số 334 có diện tích đo đạc thực tế là 1.174m^2, cụ D1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do cụ D1 chết không để lại di chúc nên ông C đồng ý với yêu cầu phản tố của bà H và yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

Tại phiên tòa, ông C giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Tạ Thu H2 và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp thừa kế theo di chúc đối với thửa đất số 143. Trường hợp Tòa án chia thừa kế đối với thửa đất số 143 theo pháp luật, ông C yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật và đồng ý thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế của cụ D1.

- Bị đơn ông Tạ Văn M trình bày:

Thống nhất ý kiến trình bày của ông C về quan hệ huyết thống, về hàng thừa kế của cụ D1 và di sản do cụ D1 chết để lại. Trước yêu cầu khởi kiện của ông C, ông M không đồng ý vì thời điểm lập di chúc cụ D1 đã bị bệnh nặng, chỉ nằm một chỗ, không còn minh mẫn, sáng suốt. Di chúc được ông C đánh máy sẵn và đưa cụ D1 lăn tay vào. Ông M ký vào tờ di chúc là do ông C đánh máy sẵn và đưa cho ông M ký tên vào. Di chúc không có người làm chứng và không được công chứng theo quy định của pháp luật nên di chúc vô hiệu. Ông M đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tạ Thị Thu H về việc tuyên Di chúc ngày 10/12/2012 vô hiệu, công nhận di chúc do cụ D1 lập ngày 30/5/2011 đã được Ủy ban nhân dân phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên chứng thực là có hiệu lực pháp luật. Đối với thửa đất số 143 thì ông M yêu cầu nhận bằng giá trị, đối với thửa đất số 334 thì ông M yêu cầu chia bằng hiện vật.

- Bị đơn bà Tạ Thu T và người đại diện hợp pháp của bà T là ông Nguyễn Trọng N, ông Thái Thanh H1 và ông Bùi Tấn Đ thống nhất trình bày:

Thống nhất ý kiến của nguyên đơn, các bị đơn về quan hệ huyết thống, về di sản do cụ D1 chết để lại. Trước yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T không đồng ý; bà T đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tạ Thị Thu H là yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc ngày 10/12/2012 vô hiệu, chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 342m^2 thuộc thửa đất số 143 cho các đồng thừa kế của cụ D1, bà T yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Đối với diện tích đất thuộc các thửa đất số 330, 331, 332, 333 đề nghị chia theo Di chúc do cụ D1 lập ngày 30/5/2011. Đối với thửa đất số 334, cụ D1 chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia theo pháp luật, bà T yêu cầu nhận bằng giá trị.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Tạ Thu T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, trường hợp nếu ông C đồng ý thỏa thuận thì bà T đồng ý giao thửa đất số 143 cho ông C và nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị.

- Bị đơn bà Tạ Thị D trình bày:

Thống nhất ý kiến của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống. Trước yêu cầu khởi kiện của ông C, bà D không đồng ý. Bà D đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tạ Thị Thu H là yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc ngày 10/12/2012 vô hiệu, chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 342m^2 thuộc thửa đất số 143 cho các đồng thừa kế của cụ D1, bà D yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Đối với diện tích đất thuộc các thửa đất số 330, 331, 332, 333 đề nghị chia theo Di chúc do cụ D1 lập ngày 30/5/2011. Đối với thửa đất số 334, cụ D1 chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia theo pháp luật. Bà D yêu cầu

được nhận di sản của cụ D1 và đồng ý tặng cho bà Tạ Thu T kỷ phần thừa kế được chia.

- Bị đơn bà Tạ Thị Thu H trình bày:

Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn và các bị đơn về quan hệ huyết thống. Trước yêu cầu khởi kiện của ông C, bà H không đồng ý vì Di chúc ngày 10/12/2012 được lập không đúng quy định của pháp luật. Bà H có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Tuyên bố Di chúc lập ngày 10/12/2012 của cụ Tạ Văn D1 vô hiệu.

+ Yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc lập ngày 30/5/2011 của cụ Tạ Văn D1 đã được Ủy ban nhân dân phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên chứng thực số 23/2011, quyển số 01 TP/CC-SCT/CK là hợp pháp và phân chia di sản thừa kế của cụ Tạ Văn D1 chết để lại như sau:

Đối với diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 2.647m^2 thuộc các thửa đất số 330, 331, 332, 333, tờ bản đồ số 41 thì bà H yêu cầu phân chia theo Di chúc của cụ Tạ Văn D1 lập ngày 30/5/2011, bà H yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Đối với diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 342m^2 thuộc thửa đất số 143 thì bà H yêu cầu chia cho các đồng thừa kế của cụ D1, bà H yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Đối với diện tích đất 1.174m^2 thuộc thửa đất số 334, cụ D1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do cụ D1 chết không để lại di chúc nên yêu cầu Tòa án công nhận là di sản thừa kế của cụ Tạ Văn D1 và phân chia cho các đồng thừa kế của cụ D1 thành 09 kỷ phần bằng nhau, bà H yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, trường hợp nếu ông C đồng ý thỏa thuận thì bà H đồng ý giao thửa đất số 143 cho ông C và nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị.

- Bị đơn bà Tạ Thu L và người đại diện hợp pháp của bà L là ông Thái Thanh H1 và ông Bùi Tấn Đ thống nhất trình bày:

Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn, các bị đơn về quan hệ huyết thống và di sản do cụ D1 chết để lại. Trước yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T không đồng ý. Bà T đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tạ Thị Thu H là yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc ngày 10/12/2012 vô hiệu, chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 342m^2 thuộc thửa đất số 143 cho các đồng thừa kế của cụ D1, bà L yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Đối với diện tích đất thuộc các thửa đất số 330, 331, 332, 333 đề nghị chia theo Di chúc do cụ D1 lập ngày 30/5/2011. Đối với thửa đất số 334, cụ D1 chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia theo pháp luật, bà L yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Tạ Thu L vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, trường hợp nếu ông C đồng ý thỏa thuận thì bà L đồng

ý chia thửa đất 143 cho ông C và đồng ý nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị.

- Bị đơn bà Tạ Thu H2 trình bày:

Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn và các bị đơn về quan hệ huyết thống. Trước yêu cầu khởi kiện của ông C, bà H2 đồng ý và yêu cầu Tòa án công nhận cho ông C được quyền hưởng tài sản theo di chúc của cụ D1 đối với thửa đất số 143 nếu Tòa án chia theo pháp luật thì bà H2 đồng ý nhận và tặng cho kỷ phần được hưởng cho ông C.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tạ Thị Thu H, bà H2 đồng ý. Đối với các thửa đất số 330, 331, 332, 333, bà H2 đồng ý chia theo Di chúc của cụ Tạ Văn D1 lập đã được Ủy ban nhân dân phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên chứng thực ngày 30/5/2011, bà H2 yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Đối với thửa đất số 334 với diện tích 1.174m^2, cụ D1 chết không để lại di chúc nên bà H2 yêu cầu chia theo pháp luật và yêu cầu nhận bằng hiện vật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thu C1 và bà Tạ Thu N1 và người đại diện hợp pháp của bà C1, bà N1 là ông Tạ Minh C trình bày:

Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn và các bị đơn về quan hệ huyết thống. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Minh C và yêu cầu phản tố của bà Tạ Thị Thu H, bà C1 và bà N1 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với thửa đất số 143 thì thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông C nếu Tòa án chia theo pháp luật thì bà C1 và bà N1 tặng cho kỷ phần được hưởng cho ông C.

Đối với các thửa đất số 330, 331, 332, 333, tờ bản đồ số 41, đồng ý chia theo Di chúc của cụ D1 lập đã được Ủy ban nhân dân phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên chứng thực ngày 30/5/2011.

Đối với thửa đất số 334 với diện tích 1.174m^2, cụ D1 chết không để lại di chúc nên bà C1 và bà N1 yêu cầu chia theo pháp luật và yêu cầu nhận bằng hiện vật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Minh P2 trình bày :

Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Minh C, đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tạ Thị Thu H. Trường hợp ông P2 được hưởng di sản thừa kế của cụ D1 theo Di chúc ngày 10/12/2012, ông P2 tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà Tạ Thu L. Ông P2 không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị Tuyết N2 và ông Dương Văn M1 thống nhất trình bày:

Bà N2 và ông M1 đang sinh sống trên phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 143. Trước khi sinh sống, bà N2 và ông M1 có xin phép ông C. Quá trình sinh sống trên đất, bà N2 và ông C có sửa chữa nhà tạm như gắn la phông, làm thêm mái tole, lát gạch men. Trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 143, vợ chồng bà N2 đồng ý di dời tài sản trên đất và yêu cầu ông C thanh

toán số tiền 15.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tl, ông Tạ Kim L1 và ông Tạ Minh T2 thống nhất trình bày:

Thống nhất ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Quang P, ông Tạ Văn P1, ông Tạ Văn T4 và bà Tạ Thị C2 thống nhất trình bày:

Ông P, ông P1, ông T4 và bà C2 là con của ông Tạ Văn M2 (đã chết) và đang quản lý, sử dụng thửa đất số 145 giáp ranh giới giữa đất số 143. Theo mảnh trích lục địa chính của Chi nhánh Văn phòng Đ1 (nay là thành phố) Tân Uyên, thửa đất số 143 qua đo đạc thực tế có diện tích 3,2m^2 thuộc thửa đất số 145 nhưng ranh giới giữa hai thửa đất số 143 và số 145 ổn định, không tranh chấp nên các ông, bà thống nhất ranh giới thực tế đang sử dụng, không tranh chấp đối với diện tích đất 3,2m^2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 trình bày:

Bà H3 quản lý, sử dụng thửa đất số 328 và số 360, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại phường U, thị xã (nay là thành phố) T, giáp với thửa đất số 143. Ranh giới giữa thửa đất số 328, số 360 với thửa đất số 143 là trụ bê tông và hàng lưới rào B40. Theo kết quả đo đạc thực tế, thửa đất số 143 có diện tích 4,2m^2 thuộc thửa đất số 360 và diện tích 1,7m^2 thuộc thửa đất số 328 của bà H3 là do sai lệch bản đồ địa chính. Do vậy, bà H3 không có tranh chấp, bà H3 không có yêu cầu gì trong vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tiến S và bà Nguyễn Thị T3 thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông S, bà T3 đang quản lý, sử dụng thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05. Theo kết quả đo đạc thực tế thửa đất số 143 có diện tích 0,2m^2 thuộc thửa đất số 231. Thửa đất số 231 và số 143 đã có ranh giới ổn định, rõ ràng nên ông S, bà T3 không tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên trình bày:

Di chúc ngày 30/5/2011 của cụ Tạ Văn D1 được Ủy ban nhân dân phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên chứng thực số 23/2011, quyển số 01 TP/CC-SCT/CK theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực.

Đối với thửa đất số 334, tờ bản đồ số 41 chưa có ai đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Gia đình cụ Tạ Văn D1 là người quản lý, sử dụng thửa đất này từ trước đến nay.

Tại phiên tòa cấp sơ thẩm: Nguyên đơn ông Tạ Minh C; người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Tạ Thị Thu H, bà Tạ Thu T, bà Tạ Thu L; bị đơn ông Tạ

Văn M thống nhất hủy Di chúc do cụ D1 lập ngày 10/12/2012, công nhận Di chúc do cụ D1 lập ngày 30/5/2011 đã được Ủy ban nhân dân phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên chứng thực số 23/2011, quyển số 01 TP/CC-SCT/CK là hợp pháp và chia theo pháp luật đối với các thửa đất số 143, số 334; chia theo di chúc đối với các thửa đất số 330, 331, 332, 333. Các đồng thừa kế đồng ý thanh toán cho ông C số tiền 85.000.000 đồng là tiền thuế và tiền lãi 85.000.000 đồng mà ông C đã đóng thuế đối với thửa đất số 143. Ông C đồng ý thanh toán cho bà N2 và ông M1 số tiền 15.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Minh C với bị đơn bà Tạ Thu H2 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Minh C. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tạ Thị Thu H về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

- Tuyên hủy Di chúc do cụ Tạ Văn D1 lập ngày 10/12/2012.

- Công nhận Di chúc do cụ Tạ Văn D1 lập ngày 30/5/2011 đã được Ủy ban nhân dân phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên chứng thực số 23/2011, quyển số 01 TP/CC-SCT/CK là hợp pháp.

- Xác định diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 1.174m^2 thuộc thửa đất số 334 tọa lạc tại phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương là di sản thừa kế do cụ Tạ Văn D1 chết để lại.

3. Phân chia di sản thừa kế do cụ Tạ Văn D1 chết để lại như sau:

3.1. Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 342m^2 thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường U, thị xã T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01761 QSDĐ/TU ngày 30/11/2004 như sau:

- Chia cho ông Tạ Minh C diện tích đất 342m^2 thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương (vị trí A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Ông Tạ Minh C có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng cho các đồng thừa kế của cụ Tạ Văn D1 gồm bà Tạ Thị D, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị Thu H, bà Tạ Thu L, bà Tạ Thu C1, bà Tạ Thu T, bà Tạ Thu H2, bà Tạ Thu N1 mỗi kỷ phần với số tiền 142.555.555 đồng (tổng cộng 1.140.444.444 đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tạ Thu C1, bà Tạ Thu N1 và bà Tạ Thu H2 về việc tặng cho kỷ phần được hưởng là 142.555.555 đồng (tổng cộng 427.666.665 đồng) cho ông Tạ Minh C.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tạ Thị D về việc tặng cho kỷ phần được hưởng là 142.555.555 đồng cho bà Tạ Thu T.

- Ông C được quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

3.2. Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 1.174m^2 thuộc thửa đất số 334 tọa lạc tại phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương như sau:

- Bà Tạ Thị Thu H được chia diện tích đất 130m^2, vị trí B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Ông Tạ Minh C được chia diện tích đất 130m^2, vị trí B1 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Tạ Thu C1 được chia diện tích đất 130m^2, vị trí B2 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Tạ Thu H2 được chia diện tích đất 130m^2, vị trí B3 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Tạ Thu N1 được chia diện tích đất 130m^2, vị trí B4 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Tạ Thu L được được chia diện tích đất 131m^2, vị trí B5 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Ông Tạ Văn M được được chia diện tích đất 131m^2, vị trí B6 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Tạ Thu T được được chia diện tích đất 131m^2.

- Bà Tạ Thu D2 được được chia diện tích đất 131m^2.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tạ Thị D về việc tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng là diện tích đất 131m^2 cho bà Tạ Thu T. Kỷ phần bà Tạ Thu T được hưởng là 262m^2 (vị trí B7 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo)

3.3. Phân chia thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất 2.647m^2 thuộc các thửa đất số 330, 331, 332, 333, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại phường U, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02808 ngày 27/9/2007 như sau:

- Bà Tạ Thu N1 được chia diện tích đất 442m^2, vị trí A1 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Tạ Thu H2 được chia diện tích đất 441m^2, vị trí A2 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Tạ Thu D2 được chia diện tích đất 441m^2, vị trí A3 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Tạ Thu L được chia diện tích đất 441m^2, vị trí A4 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Tạ Thu C1 được chia diện tích đất, vị trí A5 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Tạ Thị Thu H được chia diện tích đất 441m^2, vị trí A6 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tạ Thị D về việc tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng là diện tích đất 441m^2 cho bà Tạ Thu T (vị trí A3 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4. Ông Tạ Minh C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Tạ Thị Tuyết N2 số tiền 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Quang P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể kháng cáo phần diện tích phân chia thừa kế đối với thửa đất số 332 vì cho rằng thửa đất số 332 có một phần diện tích đất khoảng 250m^2 thuộc thửa đất số 335, tờ bản đồ 41 của ông nội ông P là ông Tạ Văn C3, việc cấp chồng lấn từ thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Ông Tạ Quang P tham gia tố tụng và trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không có ý kiến hay có tranh chấp gì trong vụ án. Sau khi có bản án sơ thẩm, ông P kháng cáo cho rằng trong diện tích đất được phân chia đối với thửa đất số 332 có diện tích đất thuộc thửa đất số 335 của ông Tạ Văn C3 nhưng ông P không có chứng cứ chứng minh. Do vậy, kháng cáo của ông P là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị D, bà Tạ Thu H2; người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Tạ Thu L và bà Tạ Thu T là ông Thái Thanh H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị Tuyết N2, ông Dương Văn M1, bà Trần Thị T1, ông Tạ Kim L1, ông Tạ Minh T2, bà Nguyễn Thị H3, bà Tạ Thu C1, ông Tạ Văn P1, ông Tạ Minh P2, Ủy ban nhân dân phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tiến S, bà Phạm Thị T6 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Tạ Quang P xác định chỉ kháng cáo về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 332, không kháng cáo quyết định bản án tại phần tiểu mục 3.1 và 3.2 và các thửa đất số 330, 331, 333 của phần số 3, phần số 4, 5, 6 và 7 của bản án sơ thẩm. Như vậy, đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm mà ông P không kháng cáo đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết trong phạm vi nội dung kháng cáo của ông Tạ Quang P đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ 14.

[3] Nguyên đơn ông Tạ Minh C tranh chấp thừa kế với các bị đơn là ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị D, bà Tạ Thu L, bà Tạ Thu T, bà Tạ Thị Thu H, bà Tạ Thu H2 đối với thửa đất số 143, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo kết quả đo đạc ngày 10/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 (nay là thành phố) Tân Uyên thể hiện trong phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 3,2m^2 thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 05 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tạ Văn C3 (ông nội của ông Tạ Quang P). Căn cứ vào biên bản lấy lời khai bà Tạ Thị C2, kết quả xác minh ngày 31/5/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa các hàng thừa kế của ông C3 vào tham gia tố tụng, trong đó có ông Tạ Quang P với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ông Tạ Quang P và các đồng thừa kế của cụ Tạ Văn C3 đã có lời khai thống nhất với ranh giới theo hiện trạng sử dụng giữa thửa đất số 143 và số 145, không có tranh chấp. Do đó, quyền lợi của ông Tạ Quang P cũng như các thừa kế của ông C3 được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn bà Tạ Thị Thu H có đơn phản tố tranh chấp thừa kế với ông Tạ Minh C đối với thửa đất số 143 và các thửa đất số 330, 331, 332, 333 và 334. Theo hồ sơ cung cấp thông tin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ D1 thể hiện, ngày 27/9/2007, cụ Tạ Quang D3 được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 330, 331, 332, 333 với diện tích 2.863m^2 trong đó thửa đất số 330 có diện tích 345m^2, thửa đất số 332 có diện tích 331m^2. Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 (nay là thành phố) Tân Uyên thể hiện thửa đất số 330, 331, 332, 333 có diện tích là 2.647m^2, trong đó thửa đất số 330 có diện tích 267m^2 và thửa đất số 332 có diện tích là 277m^2 (đều ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp) và không thể hiện có việc chồng lấn ranh giới và hình thể cạnh tiếp giáp tại thửa đất số 332 và số 335 giữa thực tế và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của D3 phù hợp.

Ông Tạ Quang P kháng cáo cho rằng, thửa đất số 332 của cụ D3 và thửa đất số 335 của ông C3 có chồng lấn từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên như ông P trình bày, thửa đất số 335 của cụ C3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005, thửa đất số 332 của cụ D3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007, từ khi cụ D3 được cấp đất và khi cụ D3 còn sống không có bất kỳ tranh chấp nào giữa cụ D3 với cụ

C3 về hiện trạng ranh giới giữa thửa đất số 332 và thửa đất số 335. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đều đã tống đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các thừa kế của cụ C3, trong đó có ông P nhưng ông P cũng như các thừa kế của cụ C3 đều không có ý kiến và không tranh chấp đối với ranh giới giữa thửa đất số 335 và số 332. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét, giải quyết mà chỉ xem xét trong phạm vi nội dung mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết.

[5] Ông Tạ Quang P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của ông P không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Quang P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Quang P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007722 ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết